

**CÔNG TY CP CẢNG QUỐC TẾ
GEMADEPT DUNG QUẤT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số 99...../CV.GMP

Quảng Ngãi, ngày 10 tháng 08 năm 2017

**“V/v: Niêm yết giá dịch vụ tại Cảng
Gemadept Dung Quất”**

Kính gửi: CỤC HÀNG HẢI VIỆT NAM

Thực hiện theo Nghị định 146/2016/NĐ – CP ngày 02/11/2016 của Chính phủ và các Quyết định số: 3863/QĐ –BGTVT ngày 01/12/2016 & Quyết định 3946/QĐ - BGTVT ngày 09/12/2016 về việc ban hành biểu khung giá dịch vụ bốc dỡ container và dịch vụ lai dắt tại cảng biển Việt Nam.

Công ty Cổ phần Cảng Quốc tế Gemadept Dung Quất gửi phụ lục đăng ký thông tin niêm yết giá và bảng niêm yết giá dịch vụ hàng hóa tại Cảng quốc tế Gemadept Dung Quất như phụ lục đính kèm công văn này.

Mức niêm yết giá thực hiện từ ngày 01/07/2017.

Công ty Cổ phần Cảng Quốc tế Gemadept Dung Quất xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của mức giá mà chúng tôi đã kê khai./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cảng vụ HH Quảng Ngãi
- Lưu: VT, ACR

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Nguyễn Duy Ngọc

- Họ tên người nộp Biểu mẫu: Công ty CP Cảng Quốc tế Gemadept Dung Quất
- Địa chỉ: Xã Bình Thuận, Huyện Bình Sơn, Tỉnh Quảng Ngãi
- Số điện thoại liên lạc: 02553.618.660 Số fax: 02553.618.663
- Địa chỉ trang điện tử: www.gemadepdungquat.com

**Ghi nhận ngày nộp Văn bản niêm yết giá
của cơ quan tiếp nhận**

1. (Cơ quan tiếp nhận Văn bản niêm yết giá ghi ngày, tháng, năm
khai giá và đóng dấu công văn đến)

nhận được Văn bản kê

2. Hết thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày trên, nếu cơ quan tiếp nhận Văn bản không có ý kiến yêu cầu tổ chức, cá nhân không được thực hiện mức niêm yết giá mới hoặc phải giải trình về các nội dung của Văn bản thì tổ chức, cá nhân được mua, bán theo mức giá niêm yết.

Phụ lục. Bảng kê khai giá dịch vụ tại Cảng quốc tế Gemadept Dung Quất

(Kèm theo văn bản số: 3108/CHHVN-VTDVHH ngày 04/08/2017 của Cục Hàng hải Việt Nam)
Thực hiện theo Quyết định 3946/QĐ -BGTVT & Quyết định 3863/QĐ - BGTVT của Bộ Giao
thông Vận tải áp dụng từ ngày 01/07/2017

1. Bảng kê khai giá dịch vụ bốc dỡ hàng container

Biểu 1. Đối với hàng nội địa

Loại container	ĐVT: đồng/container		
	Hầm tàu <=> Toa xe, ô tô, sà lan (tại cầu cảng)	Hầm tàu, sà lan <=> kho bãi Cảng (tại bãi cảng)	Ghi chú
Container < 20'			
- Có hàng	440,000	572,000	
- Rỗng	225,000	253,000	
Container 40'			
- Có hàng	600,000	825,000	
- Rỗng	307,000	385,000	
Container > 40'			
- Có hàng	720,000	990,000	
- Rỗng	368,000	506,000	

Biểu 2. Đối với hàng xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập tái xuất

Loại container	ĐVT: USD/container		
	Hầm tàu <=> Toa xe, ô tô, sà lan (tại cầu cảng)	Hầm tàu, sà lan <=> kho bãi Cảng (tại bãi cảng)	Ghi chú
Container < 20'	34	45	
- Có hàng	21	27	
- Rỗng			
Container 40'	51	68	
- Có hàng	27	36	
- Rỗng			
Container > 40'	82	113	
- Có hàng	49	60	
- Rỗng			

9633
Y
N
C TẾ
PT
AT
BẢNG

2. Bảng kê khai giá dịch vụ cầu bến, phao neo thuộc khu vực hàng hải

Biểu 3: Đối với tàu thuyền hoạt động vận tải nội địa

ĐVT: đồng/GT/Giờ

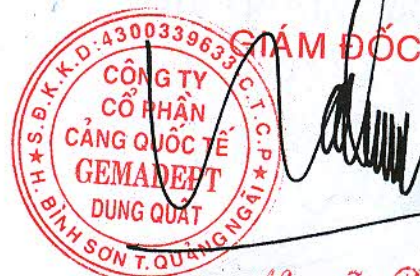
STT	Loại phương tiện hình thức sử dụng	Mức thu	Ghi chú
1	Tàu thuyền neo buộc tại cầu	16.50	
2	Tàu thuyền neo buộc tại phao	11.00	

Biểu 4. Đối với tàu thuyền hoạt động vận tải quốc tế

ĐVT: USD/GT/Giờ

STT	Loại phương tiện hình thức sử dụng	Mức thu	Ghi chú
1	Tàu thuyền neo buộc tại cầu	0.0031	
2	Tàu thuyền neo buộc tại phao	0.0013	
3	Tàu thuyền vào, rời khu vực hàng hải tối thiểu 4 chuyến/tháng/khu vực hàng hải	0.0016	
4	Tàu thuyền nhận được lệnh rời cảng mà vẫn chiếm cầu, phao	0.0060	
5	Tàu thuyền cập mạn với tàu thuyền khác ở cầu, phao	0.0017	

Quảng Ngãi, ngày 10 tháng 08 năm 2017



Nguyễn Duy Ngọc